

Topic 35B: Hobbies

Ex 1: Sắp xếp các chữ cái để có từ hoàn chỉnh và nối với nghĩa tương ứng:

___l_	1. oHbyb	_____	a. Làm vườn
_____	2. riaGnedng	_____	b. Nhạc cụ
_____	3. aRpie rasc	_____	c. Bắn súng
_____	4. usrioVa	_____	d. Trượt ván tuyết
_____	5. apulroP	_____	e. Sửa ô tô
_____	6. suiclaM mnuttiesnr	_____	f. Thu thập
_____	7. toelclC	_____	g. Âm nhạc cổ điển
_____	8. aalsclCsi icusm	_____	h. Nhiều, đa dạng
_____	9. Sgohnito	_____	i. Xuất hiện
_____	10.apeArp	_____	j. Phổ biến
_____	11.rnwgioSodabn	_____	k. Trượt tuyết
_____	12.Sgnkii	_____	l. Sở thích

Ex 2: Nghe và chọn cụm từ thích hợp để điền vào chỗ trống:

Russian people have many hobbies. Older people enjoy gardening, (1)___a___, and repairing cars. For younger people, there are various (2)_____ in school where children can learn many(3)_____. Popular hobbies include sport, playing musical instruments, computers, listening to music, (4)_____, and collecting different things.

Alexandra: "I like listening to rock and classical music. I also like (5)_____ with my friends. But my favourite hobby is shooting (you can see me in (6)_____), and I'm quite good at it."

Veronica: "I have many hobbies: cooking, reading, drawing, and singing in the shower. (7)_____ is drawing. It's (8)_____ to see pictures appearing on paper."

Dima: "I play the guitar, and I can sing Russian and English songs. I'm good at swimming, snowboarding and (9)_____. I also like travelling very much."

- | | | |
|-----------------------|---------------------|--------------|
| a. fishing | d. activities | g. the photo |
| b. cooking | e. clubs | h. skiing |
| c. My favourite | f. playing football | i. wonderful |

